

Số: 05/2022/DS-ST

Ngày: 07/3/2022.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TT – TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Lén;

2. Bà Lê Huỳnh Ngọc Lý.

- Thư ký phiên tòa: Ông Chau Chanh Đô Ra là Thư ký Tòa án nhân dân huyện TT.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TT tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thái Hòa – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TT, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 175/2022/TLST-DS, ngày 28 tháng 12 năm 2021 về: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2022/QĐXX- DS ngày 14 tháng 02 năm 2022 giữa:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị C (Nguyễn Thị U, sinh năm: 1968; địa chỉ cư trú: Tổ 1, ấp TO, xã CL, huyện TT, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Nguyễn Thế P, sinh năm: 1979 – bà Hình Thị Ngọc H, sinh năm: 1980; cùng địa chỉ cư trú: Tổ 17, ấp TH, xã NT, huyện TT, An Giang.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Hoa L, sinh năm: 1960; địa chỉ: Tổ 17, ấp TH, xã NT, huyện TT, tỉnh An Giang.

Đại diện theo ủy quyền cho ông Nguyễn Thế P, bà Lê Hoa L là bà Hình Thị Ngọc H (đồng bị đơn trong vụ án), theo văn bản ủy quyền ngày 17/01/2022 của Văn phòng công chứng Huỳnh Thúy Ph.

(Tại phiên tòa, bà C có mặt; bà H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29/11/2021 của nguyên đơn với các tài liệu kèm theo và quá trình tố tụng tại tòa, bà Lê Thị C trình bày:

Nguyên bà với ông Nguyễn Thế P – bà Hình Thị Ngọc H và bà Lê Hoa L (mẹ ruột Hình Thị Ngọc H) là quen thân. Thấy ông P – bà H, bà L là người có uy tín tại địa phương, nên thời gian từ ngày 29/01/2011 đến ngày 10/4/2014 bà cho các ông bà: P – H, L vay. Cụ thể như sau:

Thứ nhất: Ngày 20/01/2011 cho ông P – bà H vay 300.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 03% tháng; khi vay có ký biên nhận, thời hạn vay là khi cần thì báo trước 01 tháng cho ông P – bà H, để ông bà lo tiền trả lại, nhưng quá trình thực hiện thì ông P – bà H không trả vốn cũng không trả lãi.

Thứ hai: Ngày 16/5/2013 cho ông P – bà H vay 1.000.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất của lần này là 1,5% tháng và hẹn trong 12 tháng sẽ hoàn trả vốn, lần này ông P – bà H trả trước cho bà 30.000.000 đồng tiền lãi, từ đó về sau ông P – bà H không trả lãi và đúng hạn cũng không trả vốn.

Thứ ba: Cách sau vài ngày của lần vay thứ hai (không nhớ rõ ngày) nhưng cũng trong tháng 5/2013, bà Lê Hoa L hỏi vay của bà 120.000.000 đồng, lần vay này không làm biên nhận, nhưng thỏa thuận lãi suất mỗi ngày 100.000 đồng/120.000.000 đồng và bà L trả lãi được 03 tháng bằng 9.000.000 đồng thì ngưng.

Thứ tư: Ngày 10/4/2014 ông P nhờ bà vay của bà Dương Tuyết M, nhà ở khóm 3, thị trấn TT, huyện TT 500.000.000 đồng để đáo hạn Ngân hàng, khi vay có làm biên nhận và hẹn trong 07 ngày trả lại, nhưng đến nay không trả vốn cũng không trả lãi.

Thứ năm: Cách sau khoảng 02 tháng của lần vay thứ tư (ngày không nhớ), nhưng nhớ trong tháng 6/2014, ông P – bà H hỏi vay thêm 200.000.000 đồng, không làm biên nhận, khi vay ông P – bà H hẹn sau 01 tháng sẽ thanh toán luôn vốn + lãi của các lần vay trước, nhưng đúng hạn ông bà không thực hiện.

Tổng các lần vay cả phần ông P – bà H và bà L là 2.120.000.000 đồng.

Nay bà yêu cầu ông P cùng bà H có nghĩa vụ trả cho bà tổng cộng tiền vốn của 04 lần vay là 2.000.000.000 đồng và lãi suất như sau: Phần 300.000.000 đồng từ ngày 20/01/2011; phần 1.000.000.000 đồng từ ngày 16/5/2013; phần 500.000.000 đồng từ ngày 10/4/2014; phần 200.000.000 đồng từ ngày 10/4/2014. Riêng phần 120.000.000 đồng thì bà yêu cầu bà L và ông P – bà H trả và trả lãi từ tháng 8/2013 đến khi xét xử, theo quy định của pháp luật, tương ứng với từng thời gian vay.

Bị đơn bà Hình Thị Ngọc H trình bày:

Thừa nhận ông Nguyễn Thế P là chồng và bà Lê Hoa L là mẹ của bà. Bà cũng thừa nhận, vợ chồng bà có hỏi vay tiền của bà C 04 lần với tổng số tiền 2.000.000.000 đồng. Cụ thể: *Thứ nhất:* Ngày 20/01/2011 vay 300.000.000 đồng; *Thứ hai:* Ngày 16/5/2013 vay 1.000.000.000 đồng; *Thứ ba:* Ngày 10/4/2014 vay 500.000.000 đồng; *Thứ tư:* Cách sau khoảng 02 tháng của lần vay thứ ba (ngày không nhớ), nhưng nhớ tháng 6/2014 vay thêm 200.000.000 đồng, với thời hạn vay và lãi suất như bà C trình bày. Ngoài ra, tháng 5/2013, mẹ ruột bà nợ riêng bà C 120.000.000 đồng và vợ chồng bà đứng ra nhận lãnh, nên tổng cộng là 2.120.000.000 đồng.

Trong quá trình vay vợ chồng bà có trả lãi cho bà C các lần như sau: Tháng 5/2014 trả 250.000.000 đồng; năm 2016 (không nhớ ngày tháng) trả được 30.000.000 đồng; năm 2017 trả: 01 lần 5.000.000 đồng, 03 lần mỗi lần 3.000.000 đồng và 01 lần 7.000.000 đồng; năm 2018 trả 01 lần 20.000.000 đồng, rồi ngưng đến nay.

Nay với yêu cầu của bà C thì bà cũng thừa nhận, nhưng xin bà C giảm dứt tiền lãi, còn vốn thì vợ chồng bà xin trả dần mỗi tháng 4.000.000 đồng đến khi dứt nợ. Riêng phần đường nước không liên quan đến nợ này nên bà không có ý kiến cũng không có yêu cầu.

Bị đơn ông Nguyễn Thế P, do bà Hình Thị Ngọc H - đại diện theo ủy quyền trình bày:

Thông nhất với nội dung trình bày bên trên.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Hoa L do bà Hình Thị Ngọc H - đại diện theo ủy quyền trình bày:

Thông nhất với nội dung trình bày của bà H.

Giai đoạn hòa giải bà C, bà H thống nhất nhau thời gian vay, thời hạn vay, tổng vốn vay, mức lãi suất, số tiền đã trả, nhưng không thống nhất nhau về việc xin giảm dứt lãi suất cũng như thời gian thanh toán.

Tại phiên tòa, bà C bảo lưu ý kiến của mình; riêng bà H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Quan điểm của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết đúng theo trình tự thủ tục, xác định đúng quan hệ tranh chấp và thẩm quyền xét xử. Trong quá trình tiến hành tố tụng, Thẩm phán cũng như Hội đồng xét xử (HĐXX) đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đương sự trong vụ án cũng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Ông P – bà H thừa nhận nợ tiền vay của bà C 04 lần với tổng số tiền 2.000.000.000 đồng cùng với tiền lãi, nên ông P – bà H có nghĩa vụ trả cho bà C; ông P – bà H xin giảm dứt tiền lãi nhưng bà C không đồng ý, thì không có cơ sở xem xét. Ông P – bà H còn thừa nhận cùng bà L trả cho bà C 120.000.000 đồng với lãi suất, đề nghị HĐXX công nhận sự tự nguyện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm của Kiểm sát viên. HĐXX nhận định:

[1]. Về thủ tục: Bị đơn ông Nguyễn Thế Ph và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Lê Hoa L ủy quyền cho bà Hình Thị Ngọc H, ủy quyền đã được công chứng, phù hợp với pháp luật, nên được chấp nhận. Bà H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên HĐXX xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ tranh chấp: Cho rằng tài sản của mình cho ông P – bà H và bà L vay nhưng các ông bà không trả, căn cứ đơn khởi kiện, Tòa án xác định quan hệ về : “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự là phù hợp.

[3]. Về thời hiệu - thẩm quyền: Thời gian cho vay kết thúc lần sau cùng là tháng 06/2014, ông P – bà H có hẹn trả nhiều lần; lần sau cùng vào tháng 11/2021 ông P – bà H, bà L vẫn không thực hiện, nên ngày 29/11/2021 bà C khởi kiện là còn thời hiệu theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự; ông P – bà H, bà L có nơi cư trú tại huyện TT, nên Tòa án nhân dân huyện TT thụ lý giải quyết theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4]. Về nội dung: Hợp đồng vay giữa hai bên có lập thành văn bản, thỏa thuận vay trên nguyên tắc tự nguyện phù hợp pháp luật, nên được xem là hợp đồng vay hợp pháp.

Quá trình vay hai bên thống nhất nhau về thời gian, số tiền của mỗi kỳ vay. Cụ thể: Ngày 20/01/2011 vay 300.000.000 đồng; ngày 16/5/2013 vay 1.000.000.000 đồng; tháng 5/2013 (không nhớ ngày) bà L vay 120.000.000 đồng; ngày 10/4/2014 vay 500.000.000 đồng và tháng 6/2014 (không nhớ ngày) vay thêm 200.000.000 đồng. Các bên cũng thống nhất mức lãi suất của từng kỳ vay và tổng số tiền đã trả bằng 199.000.000 đồng, HĐXX ghi nhận thống nhất này giữa các bên. Tuy nhiên, các bên không thống nhất tiền lãi còn lại phải trả và thời gian trả, theo đó từng nội dung HĐXX xét thấy như sau:

- Về lãi suất:

Thỏa thuận ngay từ ban đầu giữa hai bên khi vay là phải trả lãi, giai đoạn hòa cũng như tại phiên tòa bà H - ông P xin giảm dứt tiền lãi, nhưng không được bà C đồng ý, nên bà H - ông P phải trả lãi cho bà C.

Mức lãi mà bà H - ông P, bà L với bà C thỏa thuận nhau tại thời điểm vay vào các năm: 2011, 2013, 2014, ứng với mỗi tháng bằng 03%, 1,5%... là cao, trong khi theo Quyết định 2868/QĐ.NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước quy định về lãi suất tại thời điểm này là 09%/năm bằng 0,75%/tháng. **Lãi suất cho vay theo quy định tại Điều 476 Bộ luật dân sự 2005 được phép x 150% = 1,125%.** Do đó, HĐXX cần điều chỉnh như sau:

Thứ nhất: Tiền vay 300.000.000 đồng vào ngày 20/01/2011 (tương đương 02/2011), đến nay là tháng 3/2022 bằng 11 năm 01 tháng = 133 tháng. 300.000.000 đồng x 1,125% tháng x 133 tháng = **448.875.000 đồng.**

Thứ hai: Tiền vay 1.000.000.000 đồng vào ngày 16/5/2013, đến nay là tháng 3/2022 bằng 08 năm 10 tháng = 106 tháng. 1.000.000.000 đồng x 1,125% tháng x 106 tháng = **1.192.500.000 đồng.**

Thứ ba: Tiền vay 120.000.000 đồng vào tháng 5/2013, đến nay là tháng 3/2022 bằng 08 năm 10 tháng = 106 tháng. 120.000.000 đồng x 1,125% tháng x 106 tháng = **143.100.000 đồng.**

Thứ tư: Tiền vay 500.000.000 đồng vào ngày 10/4/2014, đến nay là tháng 3/2022 bằng 07 năm 11 tháng = 95 tháng. $500.000.000 \text{ đồng} \times 1,125\% \times 95 \text{ tháng} = 534.375.000 \text{ đồng}$.

Thứ năm: Số tiền 200.000.000 đồng vào tháng 6/2014, đến nay là tháng 3/2022 bằng 07 năm 09 tháng = 93 tháng. $200.000.000 \text{ đồng} \times 1,125\% \times 93 \text{ tháng} = 209.250.000 \text{ đồng}$.

Khi vay các bên còn thỏa thuận thời hạn vay, nhưng quá thời hạn ông P – bà H, bà L không thanh toán; lẽ ra ông P – bà H, bà L còn phải chịu lãi suất quá hạn theo quy định, nhưng qua động viên của HĐXX, bà C không yêu cầu, nên HĐXX công nhận sự tự nguyện.

Đối với tổng số tiền ông P – bà H, bà L trả cho bà C, được các bên thống nhất bằng 199.000.000 đồng, trong đó có: 15.000.000 đồng vào tháng 5/2013; 175.000.000 đồng vào tháng 4/2014 và 9.000.000 đồng của trong 03 tháng 5/2013; 6/2013 và 7/2013.

Để đảm bảo quyền lợi cho ông P – bà H, bà L, HĐXX cũng nên tính lãi đối với số tiền này. Cụ thể:

+ Số tiền 15.000.000 đồng trả vào tháng 5/2013 đến nay tháng 3/2022 bằng 08 năm 10 tháng = 106 tháng $15.000.000 \text{ đồng} \times 1,125\% \text{ tháng} \times 106 \text{ tháng} = 17.887.500 \text{ đồng}$.

+ Số tiền 175.000.000 đồng trả vào tháng 4/2014 đến nay tháng 3/2022 bằng 07 năm 11 tháng = 95 tháng. $175.000.000 \text{ đồng} \times 1,125\% \times 95 \text{ tháng} = 187.031.000 \text{ đồng}$.

+ Số tiền 9.000.000 đồng trả vào các tháng 5, 6, 7/2013 (tính chung vào tháng 6/2013) đến nay tháng 3/2022 bằng 08 năm 09 tháng = 105 tháng. $9.000.000 \text{ đồng} \times 1,125\% \times 105 \text{ tháng} = 10.631.000 \text{ đồng}$.

- Về nghĩa vụ:

+ Đối với ông P – bà H:

Tổng số tiền vốn + lãi ông P – bà H có nghĩa vụ trả là: $300.000.000 \text{ đồng} + 448.875.000 \text{ đồng} + 1.000.000.000 \text{ đồng} + 1.192.500.000 \text{ đồng} + 500.000.000 \text{ đồng} + 534.375.000 \text{ đồng} + 200.000.000 \text{ đồng} + 209.250.000 \text{ đồng} = 4.385.000.000 \text{ đồng}$.

Tổng số tiền ông P – bà H đã trả: $15.000.000 \text{ đồng} + 17.887.500 \text{ đồng} + 175.000.000 \text{ đồng} + 187.031.000 \text{ đồng} = 394.918.500 \text{ đồng}$.

Khấu trừ $4.385.000.000 \text{ đồng} - 394.918.500 \text{ đồng}$, còn lại = $3.990.021.500 \text{ đồng}$, ông P – bà H có nghĩa vụ trả tiếp cho bà C.

+ Đối với bà L:

Tổng số tiền bà L có nghĩa vụ trả cho bà C là $120.000.000 \text{ đồng} + 143.100.000 \text{ đồng} = 263.100.000 \text{ đồng}$

Tổng số tiền bà L đã trả: 9.000.000 đồng + 10.631.000 đồng = 19.631.000 đồng.

Khấu trừ 263.100.000 đồng – 19.631.000 đồng. còn lại = 243.469.000 đồng, bà L phải trả tiếp cho bà C.

Lẽ ra phần tiền vay của bà Lê thuộc nghĩa vụ cá nhân bà L trả cho bà C, nhưng giai đoạn hòa giải cũng như tại phiên tòa, ông P – bà H đồng ý cùng bà L trả cho bà C, nên HĐXX công nhận sự tự nguyện.

Về thời gian thanh toán:

Tại phiên tòa, bà Huệ xin trả dần mỗi tháng 4.000.000 đồng nhưng không được bà C đồng ý, nên HĐXX chỉ xác định nghĩa vụ trả nợ còn thời gian trả như thế nào HĐXX giải thích cho các bên biết sẽ được xem xét tại giai đoạn Thi hành án, khi án có hiệu lực pháp luật.

[5]. Về án phí:

- Do toàn bộ yêu cầu của bà C được chấp nhận, nên bà C không chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn lại tiền tạm ứng án phí mà bà C đã nộp.

- Bà Lê Hoa L, sinh năm: 1960 là đối tượng được miễn án phí dân sự, theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

- Riêng ông P – bà H phải cùng chịu án phí dân sự đối với nghĩa vụ của ông bà trả cho bà C 3.990.021.500 đồng và ông P – bà H còn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với 2/3 phần nghĩa vụ của số tiền 243.469.000 đồng, theo quy định tại các khoản 2, 9 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 288, 471, 474, 476 Bộ luật Dân sự 2005; Điều 688 Bộ luật dân sự 2015; các Điều 144, 147, 288 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 và các khoản 2, 9 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu khởi kiện của bà Lê Thị C.

Buộc ông Nguyễn Thế P – bà Hình Thị Ngọc H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Lê Thị C **3.990.021.500** đồng (*Ba tỷ, chín trăm chín mươi triệu, không trăm hai mươi một nghìn, năm trăm đồng*)

Công nhận tự nguyện của ông Nguyễn Thế P – bà Hình Thị Ngọc H cùng bà Lê Hoa L có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Lê Thị C **243.469.000** đồng (*hai trăm bốn mươi ba triệu, bốn trăm sáu mươi chín nghìn đồng*).

Kể từ khi có đơn yêu cầu Thi hành án, bên phải Thi hành án không thi hành đầy đủ khoản tiền trên thì còn phải chịu lãi, theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, tương ứng với thời gian và khoản tiền chưa thi hành án.

Về án phí:

- Ông Nguyễn Thế P – bà Hình Thị Ngọc H phải cùng chịu 111.800.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Nguyễn Thế P – bà Hình Thị Ngọc H còn phải cùng chịu thêm 8.098.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Chi Cục Thi hành án dân sự huyện TT hoàn trả cho bà Lê Thị C 37.200.000 đồng tiền tạm ứng án phí, theo biên lai thu số 0008065 ngày 06/12/2021.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (07/3/2022), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

(Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự).

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAT;
- VKS huyện;
- THADS đề thi hành.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Vp.

Lê Văn Huệ